TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 05/02/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh và ông Nguyễn Hải Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1975; tên gọi khác: Không; Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng; tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị Kh, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 và có 2 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Bản án số 26 ngày 22/6/1999 của TAND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 20 tháng tủ về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 03 ngày 08/01/2010 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo không bị giam giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1972; Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng; tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Ph (đã chết); Họ và tên mẹ: Ngô Thị T (đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số 03 ngày 08/01/2010 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên toà.

3. **Phạm Văn H**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng; tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn G, sinh năm 1961 và con bà Lương Thị H, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Q, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên toà.

- *Nguyên đơn dân sự:*

Công ty TNHH TL.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, do ông Lương Đức B- Giám đốc đại diện. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Trọng K, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn T, xã G, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q làm bảo vệ cho Công ty TNHH TL có trụ sở tại Thôn V, xã Đ từ năm 2011. Trong khoảng thời gian từ 01/4/2020 đến 12/5/2020, Nguyễn Văn Q đã cùng Nguyễn Văn M và Phạm Văn H thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản tại Công ty TNHH TL, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/04/2020, Nguyễn Văn Q đang ở phòng bảo vệ của Công ty TNHH TL thì có Phạm Văn H sau đó Nguyễn Văn M đến ngồi chơi uống nước cùng với Q. Trong quá trình ngồi nói chuyện thì H hỏi Q " có xe cải tiến để về làm xe lôi không", Q trả lời "Trong công ty có 01 chiếc xe cải tiến, nếu lấy về làm xe lôi thì tao vào lấy kéo lên đê cho", H biết chiếc xe cải tiến này Q lấy trộm của công ty TL, nhưng vẫn đồng ý mua và hỏi Q "giá bao nhiêu", Q trả lời "Đưa bao nhiêu tiền thì đưa". Do xe cải tiến thấp, làm xe lôi phải lắp thêm nhíp xe vào cho cao, nên Q nói với H sẽ lấy 02 chiếc nhíp xe điện cho H để lắp vào xe cải tiến. Sau đó, Q bảo H và M đi lên đê trước đợi còn Q đi vào trong Công ty TNHH TL, do làm bảo vệ tại công ty nhiều năm nên Q biết mọi người đã về hết nên Q đi ra phía sau khu vực nhà ở của công nhân trong công ty lấy 01 chiếc xe cải tiến và lấy 02 chiếc nhíp xe

để gần đó kéo lên đê đưa cho H, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98N6- 9810 của H và nhờ M ngồi sau kéo xe cải tiến về nhà H còn Q quay lại phòng bảo vệ lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu DREAM LONCIN (không nhớ biển kiểm soát) điều khiển đi đến nhà H để đón M. Khi về đến nhà, H lấy 1.000.000 đồng đưa cho Q, số tiền này M và Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ một ngày giữa tháng 04/2020, Nguyễn Văn M mượn 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L8- 9104 của anh Phạm Văn S, sinh năm 1976 người cùng thôn rồi đi đến lán trang trại chăn nuôi của nhà Q ở đối diện với cổng Công ty TNHH TL. Khi M đi đến nơi thì Q bảo M để xe mô tô lại rồi đi vào trong công ty xem có gì trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu, M đồng ý và cùng Q đi đến khu vực nhà tạo hình trong công ty lấy 07 con dao cán nhào bằng kim loại có tổng trọng lượng khoảng 35kg; 02 thanh kim loại hình chữ V dài khoảng 01 mét có trọng lượng khoảng 13kg và 02 miếng kim loại dài khoảng 30cm, rộng khoảng 20cm có trọng lượng khoảng 02kg, Q lấy 01 bao dứa ở lán để xe mô tô cùng M cất giấu các tài sản trộm cắp được vào trong bao dứa rồi cùng M khiêng ra ngoài. Sau đó, M điều khiển xe mô tô BKS 98L8- 9104 chở số tài sản trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Hoàng Trọng K, sinh năm 1985 ở thôn T, xã G, huyện Yên Dũng đặt vấn đề bán số kim loại trộm cắp được cho anh Kiên. Anh Kiên đồng ý mua với giá 5000 đồng/1 kg và cân số kim loại do M đem đến thì được tổng số 50kg sắt nên trả cho M 250.000đồng, số tiền này M và Q đã chi tiêu hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 12/05/2020, Nguyễn Văn M đi đến lán trang trại chăn nuôi của nhà Q ở đối diện với cổng Công ty TNHH TL ngồi uống nước với Q. Trong khi ngồi uống nước thì Q rủ M vào trong Công ty TNHH TL trộm cắp tài sản đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Q bảo M ngồi chờ để Q đi vào trong công ty xem có người nào còn ở đó không và tìm tài sản. Khi vào trong công ty, Q thấy không có ai, ở vị trí sản xuất gạch có một số thanh kim loại và dao cán nhào nên đi ra gọi M vào trong lấy 07 dao cán nhào bằng kim loại có tổng trọng lượng khoảng 42kg; 02 thanh kim loại hình chữ V có trọng lượng khoảng 13kg; 01 thanh kim loại hình trụ có trọng lượng khoảng 6kg và 01 thanh kim loại hình chữ U có trọng lượng khoảng 0,2kg cho vào trong bao tải dứa có sẵn ở đó rồi cùng nhau đem ra ngoài để lên xe mô tô để M chở đi bán. M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98L8- 9104 chở số tài sản trộm cắp đến bán cho Phạm Văn H được 300.000 đồng. Toàn bộ số tiền này M, Q đã chi tiêu hết.

Ngày 24/5/2020, ông Lương Đức B phát hiện Công ty bị mất một số tài sản nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Yên Dũng.

Ngày 24/5/2020, biết hành vi của mình bị phát hiện nên Phạm Văn H đã tự nguyện giao nộp cho Công an huyện Yên Dũng: 01 chiếc xe cải tiến; 02 chiếc nhíp xe bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình chữ U; 07 dao cán nhào các loại bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình trụ, 02 thanh kim loại hình chữ V; 01 cuộn dây dẫn điện dài 07 mét.

Ngày 27/5/2020 và 03/8/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã có yêu cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-ĐGTS ngày 01/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, các tài sản gồm: 01 chiếc xe cải tiến tự chế có giá trị 3.251.000đồng; 02 nhíp loại nhíp xe điện có giá trị 271.000 đồng có tổng giá trị 3.522.000 đồng. 07 dao cán nhào có giá trị 1.220.000 đồng; 02 thanh kim loại hình V có giá trị 84.500 đồng; 01 thanh kim loại hình trụ có giá trị 39.000 đồng; 01 thanh kim loại hình chữ U có giá trị 1.300 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78/KL-ĐGTS ngày 05/08/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, các tài sản gồm: 07 dao cán nhào làm bằng hợp kim; 02 thanh kim loại bằng sắt hình chữ V; 02 miếng kim loại bằng sắt có tổng giá trị là: 1.162.500 đồng.

Đối với anh Hoàng Trọng K có hành vi mua số tài sản do Q, M trộm cắp của Công ty TNHH TL đem đến bán vào một ngày giữa tháng 4/2020, khi mua anh Kiên không biết đó là tài sản do Q, M trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Q và M vào ngày giữa tháng 4/2020 với tổng giá trị tài sản là 1.162.500 đồng và ngày 12/5/2020 với tổng giá trị tài sản là 1.344.800 đồng. Do không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q và M vào những ngày này nên ngày 11/12/2020, Công an huyện Yên Dũng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q và M.

Về vật chứng vụ án: Đối với cuộn dây điện dài khoảng 30 mét của ông Thông, ban đầu ông Thông khai bị mất trộm nH sau đó kiểm tra lại thì vẫn còn. Đối với 01 đoạn dây dẫn điện dài 07 mét thu giữ của H, H khai đoạn dây này do trước đây H xin của thợ điện, sợi dây này không phải là tài sản của Công ty TNHH TL nên ngày 11/12/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại cho Phạm Văn H đoạn dây điện này.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N6- 9810 H sử dụng để chở M kéo theo xe cải tiến, H khai đã bị mất vào tháng 9/2020, do chiếc xe mô tô này đã cũ, giá trị không lớn nên khi bị mất H không làm đơn trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã truy tìm nH không thấy nên cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô này.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L8- 9104 M sử dụng chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, M khai đã trả lại cho anh Phạm Văn S. Anh S không biết M sử dụng chiếc xe này để đi thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với 07 con dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 02 miếng kim loại M bán cho anh Kiên, anh Kiên khai đã bán cho người thu mua phế liệu, anh không biết người này ở đâu nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 10/8/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe cải tiến tự chế, 02 chiếc nhíp xe điện, 07 chiếc dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 01 thanh kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình chữ U cho ông Lương Đức B.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Thông đã nhận lại một số tài sản bị mất, đối với số tài sản không thu hồi được ông không đề nghị các bị cáo bồi thường.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSYD ngày 15 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn Q từ 07 đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nguyễn Văn M từ 06 đến 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s và điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn H từ 06 tháng đến 07 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Phạt mỗi bị cáo 5.000.000đồng sung quỹ nhà nước.

Vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc xe cải tiến tự chế, 02 chiếc nhíp xe điện, 07 chiếc dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 01 thanh kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình chữ U Công ty TNHH TL đã nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy không đặt ra giải quyết giải quyết.

Đối với 07 con dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 02 miếng kim loại sau khi M bán cho anh Kiên, anh Kiên đã bán cho người thu mua phế liệu, anh không biết người này ở đâu nên cơ quan điều tra không thu hồi được, do vậy không đặt ra giải quyết giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Thông đã nhận lại 01 chiếc xe cải tiến tự chế, 02 chiếc nhíp xe điện, 07 chiếc dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 01 thanh kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình chữ U. Đối với 07 con dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 02 miếng kim loại không thu hồi được ông Thông không đề nghị các bị cáo bồi thường.

Án phí: Áp dụng: Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi nghe bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự.

[2] Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/04/2020, tại Công ty TNHH TL thuộc Thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn Q là bảo vệ của Công ty TNHH TL có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe cải tiến giá trị 3.251.000 đồng và 02 chiếc nhíp xe điện giá trị 271.000 đồng để bán cho Phạm Văn H, Q Nhờ M ngồi sau xe của H kéo xe cải tiến và 02 chiếc nhíp xe điện về nhà H lấy 1.000.000đ Q và M chi tiêu cá nhân hết. tổng giá trị tài sản là 3.522.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho người bị hại.

Phạm Văn H không trực tiếp trộm cắp tài sản nhưng biết đó không phải là tài sản của Q và hứa hẹn trước sẽ mua tài sản Q trộm cắp, M biết rõ Q trộm cắp tài sản nH vẫn giúp Q và H kéo xe cải tiến và mang nhíp xe điện về nhà cho H, do vậy H và M đồng phạm với Q về hành vi trộm cắp tài sản.

[3] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với: Thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, liên tục, bị cáo H không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng biết tài sản mà Q chiếm đoạt không phải của Q đồng thời hứa

hẹn mua tài sản để Q thực hiện hành vi trộm cắp. Các bị cáo cùng thực hiện về hành vi chiếm đoạt, bị cáo Q đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà còn tiếp tục phạm tội, Điều đó thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Xét nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn Q không có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu: Bản án số 26 ngày 22/6/1999 của TAND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 20 tháng tủ về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 03 ngày 08/01/2010 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Văn M có nhân thân xấu: Bản án số 03 ngày 08/01/2010 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo Phạm Văn H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Xét tính chất, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau, tuy nhiên bị cáo Q là người tích cực và cũng là người thực hành trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo M với vai trò giúp sức và cũng là người thực hành. Bị cáo H không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người giúp sức hứa hẹn để Q và M thực hiện hành vi phạm tội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Q, M và H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, gây thiệt hại không lớn, do vậy cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét lượng hình đối với các bị cáo.

Từ những đáng giá về nhân thân, vị trí vai trò của từng bị cáo: Thấy bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, Tuy nhiên bị cáo Q và có vai trò chính trong vụ án, đồng thời cũng là người thực hành tích cực, do vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần cho bị cáo Q cao hơn bị cáo M.

Đối với bị cáo Phạm Văn H không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có kinh tế ổn định nên thấy cần thiết án dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo khoảng 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe cải tiến tự chế, 02 chiếc nhíp xe điện, 07 chiếc dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 01 thanh kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình chữ U Công ty TNHH TL do ông B đại diện đã nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy không đặt ra giải quyết giải quyết.

Đối với 07 con dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 02 miếng kim loại sau khi M bán cho anh K, anh K đã bán cho người thu mua phế liệu không xác định được người này ở đâu nên cơ quan điều tra không thu hồi được, do vậy không đặt ra giải quyết giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Ông B đã nhận lại 01 chiếc xe cải tiến tự chế, 02 chiếc nhíp xe điện, 07 chiếc dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 01 thanh kim loại hình trụ, 01 thanh kim loại hình chữ U.

Đối với 07 con dao cán nhào, 02 thanh kim loại hình chữ V, 02 miếng kim loại không thu hồi được ông B không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đối với số tiền H trả cho Q và M 1.000.000 đồng, tại phiên toà H không yêu cầu Q, M trả lại nên không đặt ra giải quyết.

[7] Liên quan trong vụ án này có anh Hoàng Trọng K có hành vi mua số tài sản do Q, M trộm cắp của Công ty TNHH TL đem đến bán vào một ngày giữa tháng 4/2020, khi mua anh K không biết đó là tài sản do Q, M trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Q và M vào ngày giữa tháng 4/2020 với tổng giá trị tài sản là 1.162.500 đồng và ngày 12/5/2020 với tổng giá trị tài sản là 1.344.800 đồng. Do không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q và M Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q và M là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N6- 9810 H sử dụng để chở M kéo theo xe cải tiến, H xác định đã bị mất vào tháng 9/2020 nH do chiếc xe mô tô này đã cũ, giá trị không lớn nên H không làm đơn trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L8- 9104 M sử dụng chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ xác định thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn S, sinh năm 1976 người cùng thôn với M. Anh S không biết M sử dụng chiếc xe để đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đặt ra giải quyết, do vậy không cần thiết đưa anh Quỳnh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nguyễn Văn M 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn H 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Không giải quyết.

Trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng: Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M và Phạm Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA- VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh